

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ - ST
Ngày 16-4-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Huân và ông Lò Văn Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị Th; Sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn TT, xã NL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Lò Văn Ch; Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Bản TM, xã PX, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

(Chị Th vắng mặt có lý do, anh Ch vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/01/2021 và lời khai ngày 25/02/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn Nhân: Chị Lý Thị Th và anh Lò Văn Ch đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân NL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 14/9/2016. Chị Th và

anh Ch kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đôi khi anh Ch còn dọa đánh chị Th, dẫn đến cuộc sống giữa hai vợ chồng không có hạnh phúc. Chị Th và anh Ch đã sống ly thân và không còn liên lạc với nhau từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Từ thời điểm sống ly thân giữa chị và anh Ch không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị Th xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh Ch được nữa, vì vậy chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Chị Th khai vợ chồng có 01 con chung là Lò Ánh Nh, sinh ngày 26/4/2016. Hiện tại cháu Nh đang ở cùng với chị Th ở Thôn TT, xã NL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh đến khi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ cho vay: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện TG đã giao Thông báo thụ lý vụ án cho anh Lò Văn Ch thông qua ông Vũ A D là Trưởng bản TM, xã PX. Đồng thời Tòa án cũng tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án và cùng các tài liệu chứng cứ cho anh Lò Văn Ch tại Nhà văn hoá bản TM, Trụ sở UBND xã PX và Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG.

Ngày 25/01/2021, Tòa án xác minh thông tin của ông Vũ A D (Trưởng bản TM, xã PX) về sự vắng mặt của anh Ch, tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con giữa anh Ch và chị Th. Ông D cho biết: Anh Ch hiện đang đi làm thuê, không thường xuyên có mặt ở nhà nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà khi gia đình có việc, công việc cụ thể của anh Ch thì chính quyền bản không biết, nhưng hiện tại anh Ch vẫn có hộ khẩu tại bản TM, xã PX, huyện TG. Chị Th và anh Ch có đăng ký kết hôn tại UBND xã NL, huyện S, sau khi kết hôn chị Th và anh Ch chung sống tại nhà bố mẹ anh Ch tại bản TM, xã PX. Anh Ch và chị Th chung sống được hơn 02 năm không biết vì lý do gì đến năm 2020 chị Th đã đưa con chuyển về quê ngoại ở thôn TT, xã NL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang sinh sống, từ đó đến nay không thấy chị Th quay về bản TM sinh sống. Chị Th và anh Ch có 01 con chung là Lò Ánh Nh, sinh ngày 26/4/2016. Hiện tại cháu Nh đang ở cùng với chị Th tại thôn TT, xã NL, huyện S. Về tài sản và các khoản nợ thì chính quyền địa phương không rõ. Ngoài ra ông D cũng không cho biết gì thêm.

Cùng ngày 25/01/2021, Tòa án tiến hành xác minh thông tin của ông Vừ A Th, Trưởng Công an xã PX, huyện TG. Ông Th cho biết: Anh Lò Văn Ch hiện tại đi làm ăn xa không thường xuyên có mặt tại địa phương nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà khi gia đình có việc, công việc cụ thể anh Ch cũng không khai báo với chính quyền địa phương, nhưng hiện tại anh Ch vẫn đang có hộ khẩu thường trú tại bản TM, xã PX, huyện TG.

Ngày 10/02/2021 Tòa án đã Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc mở phiên họp đã được Tòa án niêm yết công khai tại Nhà văn hoá bản TM, Ủy ban nhân dân xã PX và trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG nhưng anh Ch vẫn cố tình vắng mặt mà không có lý do. Ngày 25/02/2021 Tòa án nhân dân huyện TG đã thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và làm thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật cho anh Lò Văn Ch. Chị Th cũng đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải do vậy đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 11/3/2020 Tòa án nhân dân huyện TG đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử; ngày 31/3/2021 mở phiên tòa và đã Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST - HNGĐ, ngày 31/3/2021 để đảm bảo quyền lợi cho anh Ch. Tuy Nhên đến phiên tòa lần thứ hai anh Ch vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Việc anh Ch cố tình không chấp hành giấy báo, giấy triệu tập không có mặt tại phiên tòa và được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền của mình khi tham gia tố tụng nên Tòa án nhân dân huyện Tuần iáo vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Chị Th xin xét xử vắng mặt, trong đơn xin xét xử vắng mặt chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa giải quyết các yêu cầu như trong đơn khởi kiện. Chị Th xin xét xử vắng mặt, anh Ch vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th, anh Ch.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đều đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th; *Về con chung:* Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Lò Ánh Nh, sinh ngày 26/4/2016 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao

động; *Về quan hệ tài sản*: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện về việc nguyên đơn chị Lý Thị Th xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lò Văn Ch và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Lò Văn Ch có hộ khẩu thường trú tại bản TM, xã PX, huyện TG, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Lý Thị Th và anh Lò Văn Ch kết hôn năm 2016, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết và xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân.

[4]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ngày 16/4/2021 Tòa án nhân dân huyện TG đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án. Chị Th xin xét xử vắng mặt, anh Ch vắng mặt lần 2 không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Th, anh Ch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự,

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Th và anh Lò Văn Ch kết hôn ngày 14/9/2016, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã NL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị Th và anh Ch khai nhận hai vợ chồng kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quan hệ hôn nhân của chị Th và anh Ch là hợp pháp. Chị Th có đơn xin ly hôn với anh Ch do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đôi khi anh Ch còn dọa đánh chị Th, dẫn đến cuộc sống giữa hai vợ chồng không có hạnh phúc. Chị Th và anh Ch đã sống ly thân và không còn liên lạc với nhau từ tháng 5 năm 2020

cho đến nay. Từ thời điểm sống ly thân giữa chị và anh Ch không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị Th xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh Ch được nữa. Tại các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 25/01/2021 và văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 15/3/2021 mà chị Th giao nộp cho Tòa án chính quyền địa phương cũng thừa nhận việc anh Ch và chị Th chung sống được hơn 02 năm không biết vì lý do gì đến năm 2020 chị Th đã đưa con chuyển về quê ngoại ở thôn TT, xã NL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang sinh sống, từ đó đến nay không thấy chị Th quay về bản TM sinh sống. Hội đồng xét xử xét thấy chị Th và anh Ch đã ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay, trong thời gian ly thân và từ thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay giữa chị Th và anh Ch không đi lại thăm nom, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Ch đã được Toà án thông báo về việc chị Th xin ly hôn với anh, nhưng anh Ch không có ý kiến gì gửi cho Toà án. Ngày 25/02/2021 chị Th có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì chị Th xác định không còn tình cảm với anh Ch, chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Ch. Do đó việc chị Th xin ly hôn với anh Ch là phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lý Thị Th được ly hôn với anh Lò Văn Ch.

[6]. Về con chung: Chị Th và anh Ch có 01 con chung là Lò Ánh Nh, sinh ngày 26/4/2016. Hiện tại cháu Nh đang ở cùng với chị Th ở Thôn TT, xã NL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh đến khi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con ngày 25/01/2021 và văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 15/3/2021 sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị Th đã đưa cháu Nh về ở cùng tại thôn TT, xã NL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay, anh Ch đi làm xa không thường xuyên về nhà nên không có điều kiện và thời gian chăm sóc cháu Nh như chị Th. Chị Th có văn bản xác nhận về nguồn thu nhập ổn định của chị từ 8.000.000đ/tháng đến 10.000.000đ/tháng nên sẽ đảm bảo được điều kiện nuôi dưỡng con chung. Xét đề nghị của chị Th là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với ý kiến đánh giá nhận xét của chính quyền địa phương, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án anh Ch không có mặt tại Tòa án cũng như không có bất cứ ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Nh, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Nh cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao

động là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Th không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ cho vay: Chị Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

[8]. Về án phí: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/05710 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TG, tỉnh Điện Biên.

[9]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 47; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Tuyên xử: Nguyên đơn chị Lý Thị Th được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Ánh Nh, sinh ngày 26/4/2016 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Th không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lò Văn Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Lò Văn Ch lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Ch.

Vì lợi ích của các con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ cho vay: Chị Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/05710 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị Th đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị Th và anh Lò Văn Ch được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã NL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đình Hiếu

